

Ngày 10 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Anh Chủ Tịch,
Quý Anh, Chị thành viên trong Ban Chấp Hành ‘Ai Hữu Luật Khoa Việt Nam’

Thưa Anh, Chị

Vào khoảng cuối năm 2009, nhân dịp qua Mỹ dự đám cưới đứa cháu họ ở San Francisco, tôi có nghe nói đến Hội Ai Hữu Luật Khoa Việt Nam. Hình như Hội được thành lập ở Nam Cali từ nhiều năm trước và anh Đặng đình Long lúc đó là đương kim chủ tịch của Hội.

Lúc đó, tôi không biết trụ sở hội cũng như địa chỉ Hội ở đâu để liên lạc với anh Long, hỏi thăm tin tức về người em của anh, trước 30/4/ 1975 là Lục sự tại Phòng Dụ Thẩm Bình Dương.

Bẵng đi mấy năm, do sức khoẻ suy yếu, tôi phải dọn vào ‘nhà già’ để tránh phải làm những công việc hàng ngày mà đến nay sức khoẻ không cho phép tự làm lấy như trước được nữa. Những cuộc thăm viếng thân thuộc cũng như bạn bè từ tỉnh nọ sang tỉnh kia ở trong nước cũng không thể thực hiện được thường xuyên, nói gì đến sang Mỹ!

Gần đây, tình cờ mở Internet tìm tài liệu, tôi được đọc một số tin tức trên ‘Ai Hưu Luật Khoa số 27’ và được biết anh Vũ văn Hồng mới tư trần mà cũng không làm sao liên lạc được với gia đình anh để chia buồn.

Xin đi vào vấn đề chính của bức thư này. Khoảng 2 tháng trước, tôi có dịp đọc một bài viết của bà Duy Tan Joelle Nguyen bàn về bức công hàm của ông Đồng. Bà cho rằng công hàm đó đã bị Trung Quốc giải thích sai sự thật, công hàm không có chỗ nào nói hay ám chỉ rằng Trung Quốc có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa nhưng lại bị phía Trung Quốc cố tình giải thích ngược lại. Thay vì phải giải thích nội dung của bức công hàm để tìm hiểu ý định của ông Đồng thì Trung Quốc lại tìm hiểu ý định của ông Đồng qua bản tuyên bố của Trung Quốc! và sự hiểu lầm như thế cũng đã xảy ra với một vài người Việt ở hải ngoại.

Tôi đã đọc một số bài viết của tác giả ngoại quốc cũng như Việt Nam nói lên quan điểm của họ về bức công hàm của ông Đồng, trong số đó có bài của Tiến Sĩ Từ Đặng Minh Thu (tiên sĩ Sorbonne) là công phu và đầy đủ nhất nhưng đến khi bàn đến công hàm Phạm văn Đồng ông đã phải dùng đến học thuyết Estoppel để chứng minh. Học thuyết Estoppel có thể đem áp dụng cho trường hợp công hàm của ông Đồng được không? Vấn đề sẽ được bàn đến trong một bài sau. Về phần tôi, tôi đã xử dụng đến án lệ của Tòa án quốc tế để giải quyết hiệu lực pháp lý của công hàm Phạm văn Đồng.

Xin gửi đến Anh Chị bài viết này để được đăng tải trên Website của Hội nếu không có gì trở ngại.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của toàn ban chấp hành. Nhân dịp này, chúng tôi xin cầu chúc Hội gặp nhiều may mắn và thành công mỹ mãn trong mọi lãnh vực hoạt động của Hội trong tương lai.

Kính thư

Nguyễn Sừ

Nhiệm sở và chức danh trước 30/4/1975: Dụ Thẩm Tòa Sơ Thẩm Bình Dương.

TRANH CHẤP HOANG SA VA TRUONG SA

1. **Chủ quyền lịch sử của Việt Nam và Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa.**
2. **Tại sao nói tuyên bố của nước CHNDTH ngày 04/09/1958 bất hợp pháp ?**
3. **Phải chăng công hàm ngày 14/09/1958 của ông Phạm văn Đồng Thủ Tướng nước VNDCCH ghi nhận và tán thành lãnh hải 12 hải lý của TQ là công hàm bán nước?**

Nguyễn Quảng Ninh

Việc tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có lẽ là một trong những vấn đề pháp lý phức tạp nhất giữa một số quốc gia trong vùng Đông Nam Á. Với năm tháng chông chênh trải qua gần một thế kỷ, vấn đề chủ quyền của Hoàng Sa và Trường Sa vẫn không được giải quyết dứt khoát là vì chính Trung Hoa đã hai lần từ chối đề nghị đưa nội vụ ra trước Tòa án quốc tế phân xử. Thêm vào đó, nhiều mâu thuẫn mới lại nảy sinh, khu vực quanh Hoàng Sa và Trường Sa trở thành một tuyến đường hàng hải huyết mạch của Trung Quốc để vận chuyển hàng hóa, nhiên liệu, lại còn có trữ lượng nhiên liệu dồi dào dưới lòng biển, khiến Trung Quốc tìm mọi phương cách để chiếm cho bằng được biển Đông. Sau khi chiếm trọn Hoàng Sa và một phần Trường Sa của Việt Nam, Trung Quốc đang tìm cách chiếm nốt phần còn lại với sự trợ giúp của Đài Loan. Cả hai vừa đưa ra một tuyên bố tạm thời xếp bỏ hận thù Quốc Cộng, hợp sức bảo vệ cơ sở pháp lý của đường lưỡi bò qua việc thành lập một nhóm nghiên cứu chung, hứa cung cấp cho thế giới một lời giải thích pháp lý trong vòng một năm.

Muốn thực hiện ý đồ này, điều quan trọng là TQ và Đài Loan phải chứng minh cho thế giới thấy rõ Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của họ. Đây là điều mà cả hai đã không làm được trong quá khứ, thế nên nhân dịp nhận được công hàm của ông Phạm văn Đồng với nội dung *ghi nhận và tán thành lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc qua bản tuyên bố ngày 04/09/1958, TQ mới nhập nhằng tuyên bố nước VNDCCH đã nhìn nhận Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc !!!*

Bài viết sau đây của chúng tôi nhằm chứng minh 3 điều: (1) Hoàng Sa và Trường Sa vẫn mãi mãi thuộc chủ quyền của Việt Nam. (2) Tuyên bố của Trung Quốc ngày 04/09/1958 về chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn bất hợp pháp về thực tế cũng như về pháp lý. (3) Công hàm của ông Phạm văn Đồng không có hiệu lực pháp lý công nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc và *nội dung công hàm này cũng không có chỗ nào nói như vậy.*

Trong khuôn khổ hạn hẹp của bài viết này, chúng tôi không có tham vọng trình bày toàn bộ vấn đề, quan điểm riêng của từng quốc gia tranh chấp chủ quyền đối với Hoàng Sa như Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, và Trường Sa như Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Phi luật Tân Mã Lai và Brunei, mà chỉ cố gắng đưa ra một vài nét chính về chủ quyền lịch sử của Trung Quốc và Việt Nam hầu giúp độc giả có cái nhìn trung thực trong việc theo dõi lý lẽ của đôi bên. Chúng tôi chú trọng tới việc khảo sát bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa để tìm hiểu lý do nào khiến họ tự nhận có chủ quyền không thể chối cãi trên Hoàng Sa và Trường Sa nhưng lại không đưa ra được bằng chứng để hỗ trợ cho lập luận của họ. Kế đó, chúng tôi sẽ trình bày lý do tại sao công hàm của ông Phạm văn Đồng *không có hiệu lực pháp lý* công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa, điều mà Trung Quốc đã dùng thủ đoạn bất chính để gán cho nội dung công hàm này là *có hiệu lực*, bất kể điều đó hoàn toàn trái với sự thật và công lý. Không có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa, đương nhiên đường lưỡi bò 9 đoạn của Trung Quốc trên biển Đông sẽ không còn lý do tồn tại được nữa.

Khi khảo sát và phân tích bản tuyên bố của Trung Quốc và công hàm Phạm văn Đồng, chúng tôi sẽ căn cứ trên án lệ của Trọng Tài và Tòa án quốc tế kể từ khi Liên Hiệp Quốc còn là Hội Quốc Liên cho đến nay, qua một tài liệu có tên: 'Những nguyên tắc hướng dẫn về các tuyên bố đơn phương'. Tài liệu này do Ủy Ban Pháp Chế Liên Hiệp Quốc biên chế và được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc chấp thuận..

I. CHỦ QUYỀN LỊCH SỬ CỦA VIỆT NAM TRÊN HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Nếu một quốc gia thủ đắc chủ quyền một lãnh thổ do *sự chuyển nhượng* từ một quốc gia khác, hay nếu quốc gia đã *xử dụng lâu đời một lãnh thổ* mà không gặp sự phản đối của một quốc gia nào khác thì cả hai trường hợp này đều không được xem là quốc gia đã thủ đắc **chủ quyền lịch sử đối với lãnh thổ ấy**. Theo luật quốc tế, sự thủ đắc **chủ quyền lịch sử** đối với một lãnh thổ phải hội đủ 3 điều kiện:

Điều kiện 1. *Lãnh thổ phải do quốc gia khám phá ra*. Lãnh thổ khám phá phải là đất vô chủ (the propriety of nobody: *res nullius*) hay đất đã bị từ bỏ (or a former owner has finally abandoned it: *res delirecta*).

Điều kiện 2. *Tác giả của sự chiếm hữu* phải do quốc gia hay do đại diện của quốc gia hay nhân danh quốc gia

thực hiện.

Điều kiện 3. *Chính thức chiếm hữu và hành xử chủ quyền* trên lãnh thổ đã khám phá. Có 2 giai đoạn:

. Chiếm hữu tương trưng : Quốc Gia chiếm hữu phải lưu lại trên lãnh thổ một vật tượng trưng cho ý

chí muốn chiếm hữu lãnh thổ đó.

. Chiếm hữu thực sự và hành xử chủ quyền trên lãnh thổ chiếm hữu. Tiêu chuẩn này do Định ước

Berlin (1885) đề ra. Quốc gia chiếm hữu phải hiện diện thường trực trên lãnh thổ với những hoạt động hoặc hành vi liên tục có tính cách quốc gia.

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (đất vô chủ) đã được người dân Việt phát hiện ra từ lâu đời, ít ra là từ thế kỷ thứ XV. Việt Nam đã chiếm hữu đảo trong thế kỷ thứ XVII và XVIII, chính thức chiếm hữu và hành xử chủ quyền trong thế kỷ XIX. Cho đến khi Việt Nam bị người Pháp đô hộ vào hậu bán thế kỷ thứ 19, Việt Nam đã thực sự nắm giữ chủ quyền trên hai quần đảo này ít ra là đã trên 3 thế kỷ mà không có nước nào tranh chấp.

Đến thế kỷ thứ XX, vào năm 1909, trước sự đe dọa của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, Trung Hoa mới bắt đầu chú ý đến *Hoàng Sa* và tới những năm 1924, 1932 *Trung Hoa mới có ý định tranh giành chủ quyền hai quần đảo này với Pháp* nhưng họ chưa có ý đồ chiếm hữu thật sự. Vào năm **1933**, Pháp đề nghị với Trung Hoa đưa vấn đề ra trước Tòa án quốc tế để giải quyết tranh chấp về chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa nhưng Trung Hoa từ chối. (**lần thứ nhất**) Cần lưu ý là vào thời kỳ này, Trung Hoa chỉ nhắm vào quần đảo Hoàng Sa nên không dă động gì đến Trường Sa.

Trong suốt thời kỳ Pháp thuộc, với tư cách là kế thừa Việt Nam, người Pháp chưa bao giờ khước từ chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa, vẫn tiếp tục khẳng định chủ quyền khi có cơ hội và lên tiếng phản đối yêu sách của Trung Hoa. Trong chiến tranh thế giới II, *lợi dụng danh nghĩa giải giới quân đội Nhật bản*, ngày **7/1/1947** quân đội Tưởng giới Thạch đã đổ bộ lên đảo Phú Lâm (Đông Hoàng Sa) và đảo Ba Bình thuộc quần đảo Trường Sa.

Pháp phản kháng Trung Hoa Quốc Gia, tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam đồng thời phái chiến đình *Le Tonkinois* tới thám sát quần đảo Hoàng Sa. Chiến đình này đổ bộ 10 lính Pháp và 17 lính Việt Nam lên chiếm đóng đảo Hoàng Sa rồi thiết lập trên đó 1 đài khí tượng. Hai bên mở hội đàm ở Paris để giải quyết tranh chấp chủ quyền, Pháp đề nghị đưa nội vụ ra trước Trọng Tài quốc tế phân xử nhưng một lần nữa, Trung Hoa lại từ chối (**lần thứ hai**). trong khi Pháp vẫn đóng quân ở Hoàng Sa (phía Tây Hoàng Sa) và các đảo khác ở Trường Sa.

Kể đến, theo Hiệp định Việt Pháp ngày **8/3/1949**, Pháp công nhận sự độc lập và thống nhất của quốc gia Việt Nam gồm cả lãnh thổ Nam kỳ. Kể từ đó, Việt Nam có đầy đủ tư cách hành xử chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa. Từ năm 1954 cho đến năm 1975, theo Hiệp định Geneve, Việt Nam bị chia đôi. Từ vĩ tuyến thứ 17 trở ra thuộc chủ quyền của nước ***Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa*** (Bắc Việt Nam), từ vĩ tuyến thứ 17 trở vào thuộc chủ quyền của nước ***Việt Nam Cộng Hòa*** (Nam Việt Nam). Vì Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở bên Việt Nam Cộng Hòa nên hai quần đảo này do Việt Nam Cộng Hòa hành xử chủ quyền cho đến 30 tháng 4 năm 1975, nước Việt Nam hợp nhất. Kể từ đó Hoàng Sa và Trường Sa mới thuộc chủ quyền của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Tóm lại, Việt Nam hội đủ điều kiện chủ quyền lịch sử theo quốc tế công pháp trên hai quần đảo Hoàng Sa & Trường Sa:

- . Quyền khám phá (discovery title) hai quần đảo ít nhất là từ thế kỷ thứ XV;
- . Củng cố chủ quyền chiếm hữu (strengthening of sovereignty title) đối với hai quần đảo được thực hiện liên tục và hòa bình nhân danh nhà nước Việt Nam từ Thế kỷ thứ XVII.
- . Chính thức chiếm hữu và hành xử chủ quyền (official taking possession and exercising of sovereignty title) từ thế kỷ thứ XIX.

Trung Quốc chỉ đưa ra được quyền khám phá (discovery title) *** để chứng minh cái gọi là *chủ quyền lịch sử* của họ nhưng quyền khám phá ấy vẫn còn là đề tài tranh luận đối với nhiều học giả và luật gia Việt Nam vì Trung Quốc chưa chứng minh được Hoàng Sa và Trường Sa do Việt Nam sở hữu có đúng là Xisha và Nansha mà Trung Quốc nói là đã khám phá ra hay không. Mặt khác, quyền khám phá của Trung Quốc có thể không được luật quốc tế công nhận là *chủ quyền lịch sử* vì 2 lý do sau:

- a) Quyền khám phá của Trung Quốc không nhằm mục đích tìm đất mới, do nhà nước đứng ra tổ chức, hay nhân danh nhà nước mà chỉ là những chuyến đi tham quan các quốc gia trong vùng để biểu dương lực lượng bằng đường thủy. Quyền khám phá của TQ không kèm theo quyền chiếm hữu và hành xử quyền chiếm hữu..
- b) Theo án lệ của Trọng tài và Tòa án quốc tế, *quyền khám phá chỉ được xem như một thứ quyền phối thai* (inchoate title) không thể so sánh với quyền chiếm hữu được.

Trong bản án tranh chấp chủ quyền của đảo Palmas giữa Hoa Kỳ và Hòa Lan năm 1928, Trọng Tài quốc tế đã phán quyết như sau: “*Quyền khám phá chỉ là quyền phôi thai. So sánh quyền khám phá với quyền chiếm hữu gồm có quyền khám phá và tiếp theo là việc hành xử chủ quyền một cách liên tục và hòa bình thì quyền chiếm hữu có giá trị hơn quyền khám phá.*”

(Title by discovery is only an inchoate title. If any other sovereign begins to exercise continuous and actual sovereignty, the claim that exercises authority is greater than a title based on mere discovery)

Đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cả Trung Quốc lẫn Việt Nam đều trung dẫn quyền khám phá của mình (*nhiều học giả và luật gia VN tỏ vẻ hoài nghi về quyền khám phá của Trung quốc, vấn đề sẽ được đề cập đến trong Mục II của bài này*) nhưng chỉ riêng Việt Nam là đã hành xử chủ quyền chiếm hữu thực sự, hòa bình và liên tục theo đúng đòi hỏi của luật quốc tế. (*Xin xem bảng tóm tắt việc hành xử chủ quyền của Việt Nam trên Hoàng Sa và Trường Sa ở cuối Mục I*)

Trung Quốc chưa bao giờ chứng minh được quyền chiếm hữu lịch sử của họ đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trái lại, họ đã chiếm đóng Hoàng Sa của VN bằng vũ lực vào năm 1974, thừa lúc VNCH đang mải đối phó với sự xâm lăng của Bắc Việt Nam (lần 1) kể đến năm 1988 họ đã chiếm đóng một phần Trường Sa của Việt Nam (lần thứ nhì) sau khi VN đã hợp nhất. Hành động này của Trung Quốc đã vi phạm thô bạo Hiến Chương Liên Hiệp Quốc - điều 4, đoạn 2 - cấm sử dụng vũ lực, xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia - Ngoài ra, theo Quyết nghị số 2625 LHQ ngày 24/10/1970, mọi sự chiếm đóng lãnh thổ, chiếm hữu đất đai đều là bất hợp pháp. Do đó, TQ không thể nào được xem là có chủ quyền hợp pháp đối với hai quần đảo nên họ rất sợ nội vụ được đưa ra trước Trọng tài hay Tòa án quốc tế để phân xử.

*** [**Lý quốc Cường**, Phó Giám Đốc Trung Tâm nghiên cứu lịch sử biên giới của Viện Khoa Học Xã Hội Trung Quốc tuyên bố: (1) “ *Chuyên gia Trung quốc khẳng định Bắc Kinh có chủ quyền không thể tranh cãi tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bởi vì Trung Quốc là nước đã khám phá ra và đặt tên cho khu vực này trước Việt Nam.* (2) *Từ 1958, Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc về hai quần đảo này.*”

O trên, chúng tôi đã có dịp trình bày rằng theo án lệ của Tòa án quốc tế (vụ Palmas) USA v. Netherlands năm 1928, tòa xử rằng ‘*quyền khám phá không thể so sánh với quyền chiếm hữu được vì khám phá mới chỉ là quyền tiên khởi hay quyền phôi thai mà thôi*’. Tương tự, nếu Trung Quốc chỉ có quyền khám phá như Phó Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Lịch Sử Biên Giới của Viện Khoa Học Xã Hội **Lý quốc Cường** tuyên bố (và nếu họ chứng minh được Xisha của họ là Hoàng Sa, và Nansha của họ là Trường Sa của Việt Nam) thì theo án lệ quốc tế, quyền khám phá của Trung Quốc, *cho đâu có xảy ra* trước VN chăng nữa, cũng vẫn không thể nào so sánh với quyền chiếm hữu và hành xử chủ quyền liên tục của Việt Nam được. Còn về việc TQ cho rằng VNDCCH đã thừa nhận chủ quyền của TQ đối với hai quần đảo trên, thì điều khẳng định này quả là một sự yếu kém của Trung Quốc về mặt pháp lý vì những lý do sau:

- (1). Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa, chỉ Việt Nam Cộng Hòa mới có quyền quyết định về chủ quyền của mình. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ là một *quốc gia đệ tam* trong vụ tranh chấp biên đảo giữa Việt Nam và Trung Quốc, thế nên mọi ý kiến của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa về sự thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này, nếu thật sự xảy ra, cũng bị xem như vô hiệu theo án lệ của tòa án quốc tế.
- (2). Mặt khác, trong bản phúc đáp lời cáo buộc trên của Trung Quốc, VNDCCH cũng đã lên tiếng khẳng định rằng Trung Quốc hiểu và diễn giải sai lầm công hàm của ông Phạm văn Đồng, bởi lẽ vào năm 1958, Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của VNCH nên ông Phạm văn Đồng không có tư cách gì để thừa nhận hai quần đảo này thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Việc thừa nhận như vậy hoàn toàn vô hiệu vì trái với tục giao pháp lý ‘ **Nemo dare potest quod non habet**’ (No man can give that which he has not).
- (3). Lại nữa, trong công hàm không thấy có chỗ nào đề cập tới từ ngữ Hoàng Sa và Trường Sa cho nên Trung Quốc không thể giải thích bừa bãi vấn đề tranh chấp chủ quyền theo ý kiến chủ quan của mình, bất kể sự thật và công pháp quốc tế.
- (4). Sau hết, việc Trung Quốc tự ý tuyên bố rằng mình có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa vào ngày **04/09/1958** nhưng mãi tới 10 ngày sau tức là vào ngày **14/09/1958** ông Phạm văn Đồng mới gửi công hàm *ghi nhận và tán thành tuyên bố* của Trung Quốc, do đó nếu quả thật TQ có chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa như đã tuyên bố thì họ đâu cần viện dẫn đến công hàm Phạm văn Đồng để chứng minh với thế giới là nước VNDCCH đã nhìn nhận chủ quyền của họ trên HS & TS. Như vậy chẳng hóa ra tuyên bố ngày 04/09/1958 của Trung Quốc chỉ là thủ đoạn được đưa ra để đánh lừa công đồng quốc tế hay sao? Do đó, tuyên bố của Trung Quốc tự nhận có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa cùng với lãnh hải 12 hải lý được coi như bất hợp pháp vì vào ngày 04/09/1958 cho đến 30/04/1975 Hoàng Sa và Trường Sa, theo luật, vẫn thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa.

Trên bình diện quốc tế, ít nhất có 3 điều ước được coi như bằng chứng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam :

(1). **Tuyên cáo Cairo ngày 27/11/1943**

Hội nghị tam cường Anh, Mỹ, Trung Hoa Quốc gia họp và ra tuyên bố tại Cairo, thủ đô Ai Cập như sau: “*Nhật Bản phải bị loại ra khỏi các đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật đã cướp hay chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất năm 1914 và tất cả những lãnh thổ mà Nhật đã chiếm của Trung Hoa như Mãn Châu Lý, Đài Loan và Bành Hồ sẽ được trao trả lại cho Trung Hoa. Hội nghị tuyệt nhiên không đã động gì đến Hoàng Sa và Trường Sa khi đó đang được Việt Nam hành xử chủ quyền. *Đại biểu của THQG hiện diện không hề lên tiếng phản đối.**

(2). **Hội nghị Postdam ngày 26/7/1945**

Mỹ, Anh, Trung Hoa Quốc Gia, Liên Xô (4 thành viên của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc) ra tuyên bố khẳng định: “*Các điều khoản của tuyên bố Cairo sẽ được thi hành*” sau khi chiến tranh với Nhật Bản chấm dứt. Một lần nữa 4/5 số thành viên của Hội Đồng Bảo An LHQ có mặt tại Hội nghị đã không lên tiếng phản đối Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

(3). Hội Nghị San Francisco từ 5-8/9/1951

Hội nghị có đại diện của 51 quốc gia tham dự để bàn về bản Hòa Ước với Nhật Bản.

Điều 2 Chương II của dự thảo Hòa Ước đưa ra đề nghị để hội nghị thảo luận. Biên bản ghi rằng Nhật Bản từ bỏ các lãnh thổ sau đây:

- . Triều Tiên
- . Đài Loan, Bành Hồ
- . Kunila, phần phía Nam đảo Sakhalin
- . Các đảo ở Thái Bình Dương
- . Châu Nam cực
- . Các đảo thuộc hai quần đảo Spratly (Trường Sa) và Paracel (Hoàng Sa)

Cuối cùng, điều 2 Chương II của Hòa Ước vẫn được giữ y nguyên như trong bản Dự Thảo.

Như vậy, các vùng lãnh thổ theo tuyên bố Cairo được tái xác nhận trong Hòa Ước San Francisco ngày 7/9/1951. Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam là Trần Văn Hữu tuyên bố: “Từ lâu, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam và cũng nhân cơ hội này, để dập tắt những mầm mống tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền của chúng tôi đối với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa vốn là lãnh thổ của Việt Nam từ lâu đời, sẽ mãi mãi thuộc về Việt Nam.” (*As we must frankly make use of any opportunity to stifle the germs of discord, we declare our rights over the Spratley and the Paracels islands which from the time of immemorial have been parts of Vietnam*)

Không có bất cứ đại diện nào của 51 quốc gia tham dự hội nghị phản đối hoặc bảo lưu lời tuyên bố kể trên của đại diện Việt Nam.

Tóm tắt về việc hành xử chủ quyền của Việt Nam trên Hoàng Sa và Trường Sa

1. So với tài liệu cổ của Trung Hoa, tài liệu cổ của VN mang tính cách xác quyết hơn về việc hành xử chủ quyền.. Mỗi tài liệu của VN là một bằng chứng về việc hành xử chủ quyền chứ không nói mập mờ như Trung Hoa. Phần lớn các tài liệu của VN đều do triều đình hoặc quốc sử quán theo lệnh vua viết ra, tỷ như việc dựng miếu, dựng bia, vẽ địa đồ, đo đạc thủy trình ... ở Hoàng Sa và Trường Sa đều được nói rõ do lệnh vua ban ra để triều đình thực hiện. Như vậy, việc hành xử chủ quyền của VN được căn cứ trên bình diện Quốc Gia, có kế hoạch hẳn hoi, kéo dài trên 4 thế kỷ chứ không phải là công việc lẻ tẻ của địa phương hay có tính cách tự nhân.
2. Việc hành xử chủ quyền của VN qua nhiều thế kỷ đối với HS & TS còn được thể hiện qua việc thiết lập các *đội Hoàng Sa* (thành lập cuối thế kỷ 16) và *đội Bắc Hải* (thành lập sau đội HS) với nhiệm vụ thường xuyên thu lượm tài vật ở HS&TS (gươm, súng đạn, tiền bạc, đồ đồng, đồ sứ ... do tàu thuyền bị mắc cạn còn để lại trên đảo.)
Cần lưu ý trước khi VN bị Pháp đô hộ, Trung Hoa rất có thể lực đối với vua chúa VN nên khó có việc vua chúa VN tự nhiên tranh chiếm đảo của Trung Hoa mà không gặp sự phản ứng mạnh mẽ của họ.
3. Kế đến là việc hành xử chủ quyền của VN trên Hoàng Sa : triều đình VN sai lập miếu thờ, bia chủ quyền và trồng cây tại Hoàng Sa vào năm Ất Mùi (1835) Minh Mạng 16. Đây là lần thứ nhì dựng bia và miếu vì trước đó vua chúa VN đã từng xây miếu cổ ở Hoàng Sa mang tên “*Vạn Lý Ba Bình*”
4. Chứng cứ hiển nhiên thứ 3 của việc hành xử chủ quyền của VN tại Hoàng Sa là chính quyền VN luôn luôn cho người đi điều tra, đo đạc thủy trình từ các cửa bể đến Hoàng Sa vào các năm 1815, 1816, 1836 và vẽ bản đồ Hoàng Sa.
5. Tài liệu của Trung Hoa có tên “*Hải Quốc Kiến Văn Lục*” của Trần Luân Quỳnh soạn thời nhà Thanh (1744) đã dùng danh từ VIET HAI, VIET DUONG để chỉ Đông Hải trong có quần đảo Hoàng Sa mà sách này gọi là “*Vạn Lý Trường Sa*”, “*Thiên Lý Thạch Đường*”.
6. Danh xưng chữ Nôm “*Bãi cát vàng*” được phát hiện trước danh xưng Hoàng Sa. Điều này chứng tỏ danh xưng này do những người dân thường, những ngư phủ người Việt đã tìm thấy quần đảo trước tiên, thấy sao đặt tên làm vậy, rồi mới đến các danh xưng Vạn Lý Trường Sa, Đại Trường Sa được đặt ra sau này. Có thể nói trước thời Pháp thuộc, tất cả các hải đảo ở Đông Hải đều được gọi chung là Hoàng Sa hay Vạn Lý Trường Sa hay Đại trường Sa. Chính vì vậy mà đội Hoàng Sa thời đó quản lý luôn cả Đội Bắc Hải, phụ trách luôn các hải đảo ở phía Nam VN tới tận Hà Tiên.

Ngoài những tài liệu chữ Hán, còn rất nhiều tài liệu Tây Phương từ thế kỷ thứ 16, nhất là thế kỷ thứ 19 đã xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa.

Từ bản tuyên bố ngày **04/09/1958** của Trung Quốc, công việc cần thiết phải làm là nêu rõ tính cách bất hợp pháp của bản tuyên bố bởi lẽ vào ngày **04/09/1958**, *Trung Quốc tự nhận mình có chủ quyền trên hai quần đảo nhưng không chứng minh được chủ quyền của họ đối với hai quần đảo này*. Vì thế, trên thực tế cũng như

về mặt pháp lý, hai quần đảo vẫn thuộc chủ quyền tuyệt đối của nước Việt Nam Cộng Hòa cho đến ngày 30/4/75.

Lời tuyên bố Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Trung Quốc và cũng có lãnh hải 12 hải lý như các lãnh thổ phụ thuộc khác của Trung Quốc còn vi phạm nguyên tắc *jus cogens* khiến tuyên bố ngày 04/09/1958 của Trung Quốc đương nhiên vô hiệu (void) chiếu điều 8 của bản ‘Những nguyên tắc hướng dẫn áp dụng cho những tuyên bố đơn phương’ được chúng tôi phổ biến ở Mục III của bài này.

Trung Quốc cũng đã viện dẫn đến cái công hàm vô giá trị của ông Phạm văn Đồng, Thủ Tướng của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa để tuyên bố rằng công hàm đó đã nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa, lấy đó làm lý do dùng vũ lực xâm chiếm Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hòa năm 1974 và một phần Trường Sa của nước Việt Nam hợp nhất (CHXHCNVN) vào năm 1988. Họ không hiểu hay giả đò không hiểu rằng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chẳng những không có quyền công nhận như vậy và ngay cái công hàm của ông Phạm văn Đồng cũng không hề hàm nghĩa một sự công nhận như vậy. Vấn đề sẽ được trình bày cặn kẽ ở Mục 3 của bài này.

II. TAI SAO NOI TUYEN BO NGAY 04/09/1958 CUA NUOC CHNDTQ

BAT HOP PHAP

Tuyên Bố của Chính Phủ Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc về Lãnh Hải

(Được thông qua trong kỳ họp thứ 100 của Ban Thường Trục Quốc Hội Nhân Dân ngày 4 tháng 9 năm 1958)

Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc nay tuyên bố:

(1) Bề rộng lãnh hải của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc là 12 hải lý. Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

(2) Các đường thẳng nối liền mỗi điểm căn bản của bờ biển trên đất liền và các đảo ngoài biên ngoài khơi được xem là các đường căn bản của lãnh hải dọc theo đất liền Trung Quốc và các đảo ngoài khơi. Phần biển 12 hải lý tính ra từ các đường căn bản là hải phận của Trung Quốc. Phần biển bên trong các đường căn bản, kể cả vịnh Bohai và eo biển Giongzhou, là vùng nội hải của Trung Quốc. Các đảo bên trong các đường căn bản, kể cả đảo Dongyin, đảo Gaodeng, đảo Mazu, đảo Baiquan, đảo Niaoqin, đảo Đại và Tiểu Jinmen, đảo Dadam, đảo Erdan, và đảo Dongding, là các đảo thuộc nội hải Trung Quốc.

(3) Nếu không có sự cho phép của Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, tất cả máy bay ngoại quốc và tàu bè quân sự không được xâm nhập hải phận Trung Quốc và vùng trời bao trên hải phận này. Bất cứ tàu bè ngoại quốc nào di chuyển trong hải phận Trung Quốc đều phải tuyên thủ các luật lệ liên hệ của Chính Phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc

(4) Điều (2) và (3) bên trên cũng áp dụng cho Đài Loan và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

Đài Loan và Penghu hiện còn bị cưỡng chiếm bởi Hoa Kỳ. Đây là hành động bất hợp pháp vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Đài Loan và Penghu đang chờ được chiếm lại. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc có quyền dùng mọi biện pháp thích ứng để lấy lại các phần đất này trong tương lai. Các nước ngoại quốc không nên xen vào các vấn đề nội bộ của Trung Quốc

(Bản dịch của Trung Tâm Dữ Kiện)

*Chú thích: Quần đảo Tây Sa (tên tiếng Tàu Xisha) = Quần đảo Hoàng Sa = Paracel Islands
Quần đảo Nam Sa (tên tiếng Tàu Nansha) = Quần đảo Trường Sa = Spratly Islands*

II. (English Version) DECLARATION OF THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA ON THE TERRITORIAL SEA

(Approved by the 100th Session of the Standing Committee of the National People's Congress on 4th September, 1958)

The People's Republic of China hereby announces:

(1) This width of the territorial sea of the People's Republic of China is twelve national miles. This provision applies to all Territories of the People's Republic of China, including the mainland China and offshore islands, Taiwan (separated from the mainland and offshore islands by high seas) and its surrounding islands, the Penghu Archipelago, the Dongsha Islands, **the Xisha islands**, the Zhongsha Islands, **the Nansha Islands** and other islands belonging to China.

(2) The straight lines linking each basic point at the mainland's coasts and offshore outlying islands are regarded as base lines of the territorial sea of the mainland China and offshore islands. The waters extending twelve nautical miles away from the base lines are China's territorial sea. The waters inside the base lines, including Bohai Bay and Giongzhou Strait, are China's inland sea. The islands inside the base lines, including Dongyin Island, Gaodeng Island, Mazu Inland, Baiquan Island, Niaoqin Island, Big and Small Jinmen Islands, Dadam Island, Erdan Island and Dongding Island, are China's inland sea islands.

(3) Without the permit of the government of the People's Republic of China, all foreign aircrafts and military vessels shall not be allowed to enter China's territorial sea and the sky above the territorial sea.

Any foreign vessel sailing in China's territorial sea must comply with the relevant orders of the government of the People's Republic of China.

(4) The above provisions (2) and (3) also apply to Taiwan and its surrounding islands, the Penghu Islands, the Dongsha Islands, the Xisha Islands, the Zhongsha Islands, the Nansha Islands and other islands belonging to China.

Taiwan and Penghu are still occupied with force by the USA. This is an illegality violating the People's Republic of China's territorial integrity and sovereignty. Taiwan and Penghu are waiting for recapture. The People's Republic of China has rights to take all appropriate measures to recapture these places in due course. It is China's internal affairs which should not be interfered by any foreign country.

X

X X

Như đã trình bày ở trên, Hoàng Sa và Trường Sa vẫn thuộc quyền sở hữu của nước Việt Nam Cộng Hòa cho đến ngày 30/04/1975 là ngày nước Việt Nam hợp nhất. Câu hỏi nêu ra ở đây là vào ngày 04/09/1958,

. Trung Quốc đã dựa vào đâu để đơn phương tuyên bố chủ quyền bất khả tranh nghị của họ trên hai quần đảo này ?

. Lời tuyên bố của TQ có hiệu lực pháp lý không? Tại sao mãi 10 ngày sau, tức là vào ngày 14/09/1958, TQ lại

viện dẫn bức công hàm của ông Phạm văn Đồng, Thủ Tướng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong đó ghi nhận và tán thành lãnh hải 12 hải lý để diễn giải là thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa, trong khi Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà chỉ là một quốc gia đệ tam trong vụ tranh chấp, chẳng có tư cách gì để thừa nhận như vậy?.

. Dựa vào đâu mà Trung Quốc cho rằng ông Phạm văn Đồng có quyền ban cấp quyền sở hữu Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc ?

Đề có thể trả lời những câu hỏi nêu trên, cần hiểu rõ những vấn đề sau.

1 . Xisha và Nansha mà TQ nói là đã khám phá ra có đúng là Hoàng Sa và Trường Sa do Việt Nam khám phá ra, chiếm hữu và hành xử chủ quyền hoà bình liên tục trên 4 thế kỷ hay không?

O trên, chúng tôi đã dẫn chứng là theo án lệ của tòa án quốc tế thì giữa quyền khám phá và quyền chiếm hữu một lãnh thổ vô chủ, quyền chiếm hữu có giá trị hơn.

Như vậy, giữa Việt Nam và Trung Quốc, nếu cả hai cùng khám phá ra Hoàng Sa và Trường Sa nhưng Trung Quốc chỉ có quyền khám phá không thôi, trong khi Việt Nam vừa có quyền khám phá lẫn quyền chiếm hữu và hành xử chủ quyền liên tục thì theo án lệ quốc tế, chỉ Việt Nam mới hội đủ điều kiện về chủ quyền lịch sử trên 2 quần đảo này.

Mặt khác, vì Trung Quốc chỉ lập luận là họ đã khám phá ra Xisha và Nansha nhưng việc khám phá này vẫn chưa thuyết phục được các luật gia và học giả Việt Nam rằng **Xisha** và **Nansha** do họ khám phá ra cũng là **Hoàng Sa** và **Trường Sa** mà Việt Nam đã khám phá, chiếm hữu và hành xử chủ quyền liên tục và hoà bình qua 4 thế kỷ cho nên cần so sánh bằng chứng của đôi bên để tìm đáp án cho vấn đề.

(1). Đặc danh của đảo Hoàng sa ngày nay vốn dĩ có tên là *bãi cát vàng*. Đặc danh *bãi cát vàng* chứng tỏ rằng nó đã được giới bình dân Việt Nam khám phá ra và đặt tên từ trước, còn danh xưng Hoàng Sa chỉ mới được đặt ra sau này mà thôi.

Trong *Phủ Biên Tạp Lục* (khoảng cuối thế kỷ thứ 18) Lê quý Đôn dùng đặc danh Hoàng Sa, Đại Trường Sa đảo, Vạn lý Trường Sa theo cùng một ý nghĩa.

(2). Trung Hoa khẳng định rằng họ đã khám phá ra hai quần đảo **Xisha** và **Nansha** từ đời nhà Hán (năm 200 trước công nguyên). Lại có tác giả người Hoa khác nói rằng theo những tài liệu sớm nhất của Trung Hoa, trong đó có ghi chép sinh hoạt của người Trung Hoa trên biển, thì các sinh hoạt trên biển của họ chỉ mới bắt đầu từ đời nhà Tống (thế kỷ thứ XIII). Hải trình mà tàu bè của Trung Hoa đi qua biển hồi đó chỉ ghi là đã trông thấy *những quần đảo nằm trong biển Đông*. Các đoạn hải trình được viện dẫn trước thế kỷ thứ XIII không *hề nói đến tên đảo* mà chỉ nói đến biển Nam Hải chứ không hề nói đến tên **Xisha** và **Nansha** (tức Hoàng Sa và Trường Sa) và cũng không có sách Sử Địa nào của Trung Quốc nói đến chủ quyền của Trung Hoa đối với 2 quần đảo này.

Một câu hỏi cần nêu ra ở đây để Trung Quốc trả lời: “*Nếu quả thật Trung Quốc đã khám phá ra Xisha và Nansha từ đời nhà Tống và Xisha và Nansha này chính là Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam thì tại sao họ không chiếm hữu hai quần đảo này kể từ khi khám phá ra chúng mà lại để cho VN chiếm hữu?*”

Luận cứ của các tác giả Trung Quốc viện dẫn để chứng minh chủ quyền của họ lại quá mơ hồ vì không cho người đọc biết rõ tài liệu nào nói rằng họ đã khám phá ra Xisha và Nansha, (Xisha & Nansha có phải là 2 quần đảo mà VN gọi là Hoàng Sa và Trường Sa hay không?), tên của tài liệu, tên tác giả của tài liệu và năm tài liệu được ấn hành... Tất cả những dữ kiện này rất cần thiết để có thể kiểm chứng thực hư về lập luận của các tác giả Trung Quốc..

(3). Trong lịch sử của Trung Hoa có hai triều đại nhà Tống. Triều đại nhà Tống thứ nhất là nhà **Lưu**, trị vì Trung Hoa 59 năm (420 – 478) - Việt Nam chịu sự đô hộ của triều Tống này. Triều đại nhà Tống thứ nhì là nhà **Triệu** (960 – 1126), dưới triều đại này thì Việt Nam đã độc lập rồi.

Theo kinh thư của Trung Hoa, người Hán chỉ sống quanh lưu vực phía Bắc sông Hoàng Hà (tỉnh Hồ Nam, Thiểm Tây, Trục Lệ và một phần của tỉnh Sơn Động ngày nay). Về phía Nam sông Hoàng Hà có một giống dân khác gọi là Bách Việt, có một nền văn minh khác với văn minh của giống Hán. Giống người Bách Việt sống rải rác quanh sông Dương Tử cho tới Bắc Trung Việt của Việt nam ngày nay.

Trong giống Bách Việt có một nhóm gọi là Lạc Việt sống trong một khu vực từ phía Nam tỉnh Quảng Tây, dãy Ngũ Lĩnh xuống tới miền Bắc Trung Việt của Việt Nam ngày nay. Năm 2879 trước Tây lịch, một số người trong nhóm Lạc Việt lập thành một quốc gia độc lập gọi là Văn Lang, dưới quyền cai trị của các vua Hùng họ Hồng Bàng. Lãnh thổ Văn Lang lúc bấy giờ bao trùm toàn miền Bắc Việt Nam và Bắc Trung Việt ngày nay.

. Năm 207 trước TL, Triệu Đà chiếm nước Âu Lạc và sáp nhập nước này vào Quận Nam Hải của ông, lập thành một quốc gia mới gọi là Nam Việt, độc lập với nhà Hán (206 tr TL – 264 sau TL). Bờ cõi Nam Việt kéo dài từ tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây bên Trung Hoa đến Bắc Trung Việt.

. Năm 111 trước TL, Hán Vũ Đế sai hai tướng là Lộ- Bác- Đức và Dương Bộc đánh chiếm và đô hộ Nam Việt, cải tên nước này là Giao Chỉ Bộ gồm chín Quận: Nam Hải (Bắc Quảng Đông), Thương Ngô (Bắc Quảng Tây), Uất Lâm (Nam Quảng Tây), Hợp Phố (Nam Quảng Đông), Giao Chỉ (Bắc Việt) Cửu Chân (khoảng Thanh Hóa), Nhật Nam (khoảng Nghệ An), Châu Nhai (đảo Hải Nam) và Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam)

Trong hơn 1000 năm đô hộ Việt Nam, quyền cai trị của Trung Hoa chưa bao giờ vượt ra khỏi tỉnh Nghệ An, tức là chỉ tới tối đa vĩ tuyến thứ 18, tức ngang với đảo Hải Nam mà thôi. Như vậy, chắc chắn không thể có vấn đề chiếm hữu Hoàng Sa và Trường Sa được. Sự đô hộ của người Hoa chấm dứt vào năm 939 khi Ngô Quyền đánh đuổi họ về Tàu, giành lại độc lập cho quốc gia. Như vậy, dưới triều Tống thứ hai, không thể có việc nhà Tống chiếm hữu Hoàng Sa và Trường Sa.

(4). Triệu Nhữ Quát đời Tống có viết cuốn Chư-Phiên-Chí. Cuốn sách này nói về Hải Nam như sau: “*Phía Đông Hải Nam là Thiên-Lý Trường-Sa và Vạn-lý Thạch –Sàng, mênh mông vô bờ, trời nước một màu. Ghe thuyền qua lại chỉ nhờ cậy vào kim chỉ nam, ngày đêm phải theo giới cẩn thận, chỉ hơi sai một chút là có liên quan đến vấn đề sống chết ngay.*”

Y Triệu Nhữ Quát muốn nói là vùng quần đảo Hoàng Sa rất nguy hiểm, thuyền bè Trung Hoa không nên đi gần. Vì phải hoàn toàn lệ thuộc vào kim chỉ nam và chỉ hơi sai một chút là thuyền bè có thể bị đắm ngay. Từ đó ta có thể suy đoán là về đời Tống không có người Trung Hoa nào dám dền gần các đảo thuộc nhóm Hoàng Sa nói gì đến việc chiếm quần đảo!

2. Bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của nước CHNDTH bất hợp pháp, vi phạm chủ quyền của nước VNCH, vì vào ngày này cho đến 30/04/1975, Hoàng Sa & Trường Sa vẫn thuộc chủ quyền của VNCH và Trung Quốc vẫn không chứng minh được chủ quyền trên hai quần đảo.

Hầu như cả thế giới đều biết thể yếu của Trung Quốc về mặt pháp lý vì không dẫn chứng được chủ quyền lịch sử của họ trên HS&TS. Cho nên, khi TQ bỗng dưng tuyên bố trước Cộng đồng thế giới vào ngày 04/09/1958 tự nhận họ có chủ quyền bất khả tranh nghị trên hai quần đảo này khiến mọi người vô cùng ngạc nhiên. Mặc dầu tuyên bố công khai như vậy, nhưng cũng như mọi lần, *TQ không đưa ra được bằng chứng nào để hậu thuẫn cho lập luận của mình. Trái lại, họ cứ lảng nhảng tuyên bố có chủ quyền, bất khả tranh nghị trên HS & TS khiến mọi người tin rằng đó chẳng qua chỉ là chiến dịch đánh võ mồm của TQ mà thôi. Mãi đến 10 ngày sau, họ mới dựa vào cái công hàm của ông Phạm văn Đồng, trong đó có viết rõ ràng “ghi nhận và tán thành cái gọi là 12 hải lý của lãnh hải Trung Quốc” để khẳng định rằng nước VNDCCH đã nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa, trong khi nội dung của công hàm không hề đề cập đến hai chữ chủ quyền nào cả!* Lại nữa, Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hoà, đâu phải thuộc chủ quyền của nước VNDCCH, Trung Quốc lấy tư cách gì mà cho rằng nước VNDCCH đã nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với 2 quần đảo ?

Trong bản án Island of Palmas (Hoa Kỳ k/ Hòa Lan năm 1928), Tòa án quốc tế đã tuyên phán như sau: “*Spain could not legally grant what it did not hold and therefore Spain could not grant Palmas to the United States*”

(Tây Ban Nha không có chủ quyền đối với đảo Palmas nên không thể nhượng đảo này cho Hoa Kỳ được) Phán quyết nói trên của toà án quốc tế chỉ lập lại tục giao pháp lý ‘**Nemo dare potest quod non habet**’ (No man can give that which he has not)

Trong tự, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà chỉ là một quốc gia đệ tam trong vụ tranh chấp chủ quyền về HS & TS giữa Việt Nam Cộng Hoà và Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa thì làm sao VNDCCH có tư cách pháp lý để công nhận hay ban cấp chủ quyền cho Trung Quốc để rồi sau đó Trung Quốc vin vào lý do bất chính này, dùng vũ lực xâm chiếm biển đảo của VNCH vào năm 1974 và của nước Việt Nam thống nhất vào năm 1988?

Cộng Đồng thế giới sẽ nghĩ sao khi nghe Trung Quốc lập luận như vậy: “*Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam Cộng Hoà về mặt pháp lý nhưng vì nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà nói rằng HS&TS thuộc chủ quyền của TQ thì Trung Quốc đương nhiên có chủ quyền bất khả tranh nghị trên hai quần đảo này !!!*”

Đối với Hoàng Sa và Trường Sa, ngoài bằng chứng về chủ quyền lịch sử của VN như đã trình bày ở Mục I, còn ít ra là ba sự kiện pháp lý sau đây có thể chứng minh tuyên bố ngày 04/09/1958 của Trung Quốc bất hợp pháp và vô giá trị:

(1). Hai quần đảo HS & TS do Việt Nam Cộng Hoà quản lý hợp pháp, chiếu theo bản tuyên ngôn của Hội nghị Genève ngày 21 tháng 7 năm 1954, mà Trung Quốc cũng là một thành viên. **Đương nhiên bản tuyên ngôn về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này có giá trị cho đến 30/04/1975 là ngày đất nước Việt Nam thống nhất.**

(2). Việc Trung Quốc đơn phương tuyên bố trước cộng đồng thế giới ngày 04/09/1958 rằng mình có chủ quyền trên 2 quần đảo HS & TS nhưng không đưa ra được bằng chứng để hậu thuẫn cho lời tuyên bố của họ, tuyên bố của Trung Quốc về Hoàng Sa và Trường Sa đương nhiên **vô giá trị** ngay từ ngày 04/09/1958, đồng thời với việc sử dụng vũ lực xâm chiếm Hoàng Sa và một phần Trường Sa của Việt Nam đã cấu thành những bằng chứng hiển nhiên và hùng hồn nhất để thế giới thấy rõ bộ mặt nham hiểm và hành động bất hợp pháp, coi thường Hiến Chương LHQ của họ.

(3). VNDCCH chỉ là một đệ tam quốc gia trong vụ tranh chấp biển đảo giữa Trung Quốc và Việt Nam Cộng Hòa. Như vậy, theo luật quốc tế, công hàm Phạm văn Đồng không có hiệu lực pháp lý để công nhận chủ quyền của TQ trên HS & TS. Trung Quốc giải thích thế nào về tính cách pháp lý của công hàm Phạm văn Đồng khi cho rằng công hàm này đã nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc?

3. Tuyên bố ngày 04/09/1958 của Trung Quốc còn vi phạm điều 12 bản tuyên bố của Hội nghị Geneve 1954, điều 4 đoạn 2 Hiến Chương LHQ và Quyết Nghị số 2625 LHQ ngày 24.10.1970

(1). Việt Nam Cộng Hòa (Nam Việt Nam) và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt Nam) theo hội nghị Geneve là hai quốc gia riêng biệt, được luật quốc tế cũng như Cộng Đồng quốc tế công nhận. Vì vị trí của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm trên phần đất của Việt Nam Cộng Hòa nên chúng do Việt Nam Cộng Hòa quản lý theo sự phân chia của Hiệp Định Geneve 1954. Điều 12 bản tuyên bố của Hội nghị Geneve ngày 21 tháng 7 năm 1954, mà nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa cũng là một thành viên, viết như sau:

“ In their relations with Cambodia, Laos and Vietnam, each member of the Geneve Conference undertakes to respect the sovereignty, independence unity and territorial integrity of the above-mentioned States and to refrain from any interference in their internal affairs ”

(Trong việc bang giao với Cao Mên, Lào và Việt Nam, mỗi quốc gia hội viên tham dự Hội Nghị Genève cam kết tôn trọng chủ quyền, nền độc lập, sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia này và quyết tâm tự chế không can thiệp vào công việc nội bộ của họ.)

Như vậy, về phương diện chính trị, kể từ sau Hiệp Định Genève, nước VN tạm thời chia đôi. Từ vĩ tuyến thứ 17 trở ra gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt Nam) còn từ vĩ thứ 17 trở vào là Việt Nam Cộng Hòa (Nam Việt nam)

Một câu hỏi nêu ra ở đây là 1 thành viên của hội nghị Geneve năm 1954, Trung Quốc nghĩ sao về hành động và thái độ của mình khi tuyên bố rằng Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc? Mặc dầu Trung Quốc luôn luôn khẳng định rằng “ *Trung Quốc có chủ quyền bất khả tranh nghị trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa* ” nhưng họ chưa bao giờ trưng dẫn được bằng chứng để hỗ trợ cho lập luận của mình !”

Làm sao người ngoại cuộc có thể kiểm chứng được sự xác thực về lời tuyên bố của Trung Quốc nếu tuyên bố ấy không kèm theo những dữ kiện để kiểm chứng. Nếu cứ tuyên bố xuông như vậy thì bất cứ người nào cũng có thể nhận mình có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa hay sao ?

(2). Một sự kiện khác đáng lưu ý là kể từ ngày tham dự hội nghị Genève, nước Việt Nam Cộng Hòa vẫn tiếp tục thi hành mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ chủ quyền của mình trên hai quần đảo.

. Năm 1956, một đơn vị hải quân VNCH đã thay thế hãn hải quân Pháp trên quần đảo Hoàng Sa cùng với 1 đài khí tượng đã được xây dựng lên từ trước.

. Vào cuối tháng 8 cùng năm, một đơn vị hải quân VNCH đã tới thượng quốc kỳ, dựng bia chủ quyền trên quần đảo Trường Sa để tỏ ý chí của VNCH nhất quyết bảo vệ lãnh thổ của mình trước yêu sách vô căn cứ của

Trung Hoa Quốc Gia, Trung Quốc và Phi luật Tân.

Cũng cần lưu ý thêm rằng, ngày 8 tháng 6 năm 1956, chủ quyền lâu đời của VNCH trên đảo, lại một lần nữa được Ngoại Trưởng Việt Nam Cộng Hoà long trọng xác nhận tại Saigon.

. Năm 1959, VNCH cho bắt giữ một thời gian 8 tên ngư phủ Trung Cộng đã xâm nhập đảo Cam Tuyền (Hữu Nhật) Duy Mộng và Quang Hòa.

. Năm 1960, Hải quân VNCH bắt đầu tuần tiễu đều đều ở vùng Trường Sa.

. Năm 1961, Tổng Thống VNCH ban hành Sắc lệnh số 174-NK ngày 13 tháng 7 đặt quần đảo Hoàng Sa thuộc quận hạt tỉnh Quảng Nam thay vì tỉnh Thừa Thiên như trước, lại đặt xã Định Hải thuộc Quận Hòa Vang.

- . Năm 1969, Thủ Tướng Chính Phủ ban hành Sắc lệnh số 709-BNV/HC ngày 21 tháng 10 sáp nhập xã Định Hải vào xã Hòa Long cũng thuộc Quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam
- . Ngày 13 tháng 7 năm 1971, Ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa tuyên bố ở Manille rằng quần đảo Trường Sa từ lâu đời vẫn thuộc lãnh thổ Việt Nam và ngày 15 cùng tháng, Bộ trưởng Ngoại Giao VNCH đã ra Thông Cáo tái xác nhận chủ quyền chính đáng của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- . Năm 1973, do Sắc lệnh của Tổng Thống VNCH, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lại được đặt thuộc quản hạt hành chính của tỉnh Phước Tuy.

Trong tranh chấp về chủ quyền của 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nếu có, chỉ liên quan đến Trung Quốc và Việt Nam Cộng Hòa trong khi VNDCCH chỉ là một quốc gia để tam, không có tư cách gì để tham dự gì vào việc tranh chấp, do đó tiếng nói của VNDCCH không có hiệu lực gì đến việc tranh chấp về mặt pháp lý.

4. Quan điểm của các chính phủ, học giả và luật gia trên thế giới đối với:

a). vấn đề chủ quyền trên Hoàng Sa & Trường Sa của Việt Nam

b). thái độ và hành động của Trung Quốc đối với HS & TS trên biển Đông.

Trở lại thời điểm năm 1958, trong khi Việt Nam Cộng Hòa đang hành xử chủ quyền trên hai quần đảo này thì Trung Quốc ngang nhiên tuyên bố trước Cộng Đồng thế giới vào ngày **04/09/1958** rằng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của họ và qui định cho chúng một lãnh hải 12 hải lý y như lãnh thổ của Trung Quốc..

Tuyên bố của nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 04/09/1958 hoàn toàn bất hợp pháp, ngược ngạo, coi thường công pháp quốc tế và công đồng thế giới.

Như đã trình bày nhiều lần ở trên, Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam:

- . do sự xác lập chủ quyền lịch sử như đã dẫn ở Mục I
- . do sự công nhận của Hội nghị Genève 1954
- . do sự công nhận của Cộng Đồng quốc tế (VNCH được trên 80 quốc gia trên thế giới công nhận)
- . VNCH còn là Quan sát viên thường trực của Liên Hiệp Quốc trước 30/4/1975.

Vì lòng tham tài nguyên dưới lòng biển và cũng bởi vì không có chút hy vọng nào nếu tranh chấp được đưa ra trước Tòa án quốc tế giải quyết, Trung Quốc đã xử dụng vũ lực xâm chiếm Hoàng Sa và một phần Trường Sa của VNCH vào những năm 1974 và 1988. Cả thế giới lên án hành động điên cuồng và coi thường luật pháp này của Trung Quốc. Nhiều buổi hội thảo về biển Đông đã được tổ chức tại một số Quốc Gia ở A Châu, Âu Châu và Mỹ Châu với hàng trăm học giả, luật gia tiếng tăm thuộc đủ mọi quốc tịch, đã đưa ra lời bình luận phủ nhận bằng chứng chủ quyền của Trung Quốc, lên án hành vi côn đồ của Trung Quốc trên biển Đông trong những năm vừa qua. Trung quốc đã hành xử như bọn cướp biển khi đánh cướp ghe thuyền của những dân chài Việt Nam đang đánh bắt cá trên hải phận của đất nước mình, đem họ về Trung Quốc giam giữ, đòi tiền chuộc, có khi giết hại những ngư dân này ngay trên hải phận của nước họ.

a) . Tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 67 tại New York, Tổng Thống Pháp Francois Hollande khẳng định *ủng hộ trật tự thế giới đa cực dựa trên công pháp quốc tế và chống xử dụng bạo lực giữa các quốc gia, ngoài khuôn khổ Liên Hiệp Quốc*. Ông nói: “Nước Pháp thấu triệt hồ sơ Hoàng Sa và Trường Sa (do từng bảo hộ Việt Nam) cho nên đã và sẽ tư vấn luật biển cho VN chống lại việc Trung Quốc xử dụng vũ lực tại biển Đông.”

b). Trong Thông cáo báo chí ngày 21 tháng 8 / 2012, chính phủ Hoa kỳ đề nghị giải quyết tranh chấp biển Đông bằng Trọng Tài Quốc Tế hay bằng định chế pháp lý quốc tế: “ *We believe that claimants should explore every diplomatic or other peaceful avenue for resolution, including the use of arbitration or other international legal mechanisms as needed.* ”

c). Dự Hội thảo tại viện Trần nhân Tông được tổ chức tại Đại Học Harvard ngày 21 tháng 9/2012, cựu ứng viên Tổng Thống Hoa kỳ năm 1982, ông Michael Dukakis (thuộc đảng Dân chủ Mỹ, từng là Thống Đốc Tiểu bang Massachusetts) thành phần của Hội Đồng tư vấn cho Viện Trần nhân Tông Đông tin rằng quốc tế sẽ tạo ra chuẩn mực cho các xung đột tiềm tàng ở A châu.

Trả lời BBC Việt ngữ có mặt tại hội nghị, ông Dukakis nói về tranh chấp ở vùng biển Đông như sau: “*Tôi nghĩ đây là cơ hội rất tốt để Hoa Kỳ và các nước khác trên thế giới cùng gặp nhau để thử xây dựng niềm tin vào các định chế quốc tế mà chúng ta có năng lực giải quyết.* ”

Vì sao không kêu gọi Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Đài Loan ... đưa vấn đề ra Tòa án quốc tế để giải quyết? Trước câu hỏi nếu Trung Quốc, Đài Loan hay một nước nào khác không chấp nhận nội vụ đưa ra Tòa án quốc tế thì sao? Ông đáp:

“Chúng ta không thể cưỡng bức nước nào đồng ý hay không đồng ý nhưng theo tôi, thay vì chạy vòng quanh tìm cách khác thì tại sao công đồng quốc tế không nghĩ rằng Tòa án quốc tế được thành lập là để giải quyết những trường hợp như thế? Tôi nghĩ có nhiều nước khó mà có phản ứng cường lại.”

d). Hội thảo biển Đông tại Paris 16/10/2012

Tại hội trường nhà Hóa học (Maison de la Chimie) do Học Viện quan hệ quốc tế và chiến lược, phối hợp với Hội “Fondation de Grabiell Peri” qui tụ nhiều chuyên gia tên tuổi đến từ Pháp, Bruxelles, London, các hội thảo viên đều đồng ý rằng các tranh chấp cần phải được giải quyết bằng thương nghị theo công pháp quốc tế. Các học giả và chuyên viên Pháp tại hội nghị nêu rõ hồ sơ VN về HS/TS có ưu thế. Đại diện sứ quán Trung Quốc bị cô lập.

Cựu tướng Daniel Schaeffer, một chuyên gia Pháp đã phân tích mưu đồ của Trung Quốc đang tìm cách lãnh địa hóa (sanctuariser) hay độc chiếm biển Đông. Trả lời RFI, cựu tướng Schaeffer cho rằng VN cần phải quốc tế hóa mạnh mẽ hơn hồ sơ này để đối phó với chiến lược của Trung Quốc.

e). Tuyên bố của Tổng Thống Pháp liên quan đến biển Đông trước khi viếng thăm Lào quốc mới đây. Pháp đang xét lại chính sách ngoại giao với Bắc Kinh dựa trên 3 nguyên tắc: tương kính, trách nhiệm, có đi có lại (Respect mutuel, Responsabilité et Réciprocité).

Trung Quốc phải hành xử với tinh thần trách nhiệm của một đại cường như Mỹ, Anh, Pháp, Nga đối với thế giới về an ninh phát triển, khí hậu chứ không chỉ ích kỷ nghĩ đến quyền lợi riêng của Trung Quốc như hiện nay.

Trung Quốc phải tôn trọng công pháp quốc tế, luật lệ tự do hàng hải, không được sử dụng vũ lực bừa bãi và phải thượng tôn Hiến Chương Liên Hiệp Quốc. Pháp sẽ xử dụng trách nhiệm của mình ở biển Đông.

Tất cả những tuyên bố trên đây hy vọng sẽ là những thông điệp gửi tới nhà nước Trung Quốc để họ sớm ý thức được vấn đề nhạy cảm này hầu duyệt xét ngay những hành vi ngược ngạo, coi thường luật lệ quốc tế trong bang giao với các quốc gia trong vùng. Họ phải từ bỏ ngay những hành động phi pháp đã và đang diễn ra trên biển Đông theo cung cách ứng xử của một quốc gia văn minh, tôn trọng luật pháp quốc tế, hiểu rõ trách nhiệm của mình trong tư cách một thành viên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

III. CÔNG HÀM NGÀY 14/09/1958 CỦA ÔNG PHẠM VĂN ĐỒNG KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ

CÔNG NHẬN CHỦ QUYỀN CỦA TRUNG QUỐC TRÊN HOANG SA & TRƯỜNG SA NHƯ BỘ NGOẠI GIAO TRUNG QUỐC TUYÊN BỐ.

1. Nội dung bức công hàm ngày 14/09/1958 của ông Phạm Văn Đồng, Thủ Tướng nước VNDCCH:

*“... Chính Phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà **ghi nhận và tán thành** bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của Chính Phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa **quyết định về hải phận** của Trung Quốc. Chính Phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà tôn trọng quyết định ấy và chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm **tôn trọng lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc** trong mọi quan hệ với nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc trên mặt bể.”*

(... The Government of the Democratic Republic of Vietnam has **noted and agreed** the September 4, 1958's declaration by the People's Republic of China **regarding the decisions of their territorial waters**.

The Government of the Democratic Republic of Vietnam respects this decision and give instructions to its State agencies **to respect the 12 nautical miles width of the territorial waters of China** in all our relations with the PRC in the maritime field).

Để thẩm định giá trị pháp lý về lời tuyên bố đơn phương của ông Phạm Văn Đồng ngày 14/09/1958 qua công hàm nói trên, ta cần tìm hiểu án lệ của Trọng Tài và Tòa án quốc tế đã giải quyết những tuyên bố đơn phương của các quốc gia như thế nào qua một tài liệu mang tên: “NHUNG TUYEN BO ĐƠN PHƯƠNG CUA CAC QUOC GIA CO THE TAO RA NHUNG NGHIA VU PHAP LY”. Tài liệu này do UY BAN PHAP CHE QUOC TE của Liên Hiệp Quốc soạn thảo, dựa trên những bản án của Trọng Tài và Tòa án quốc tế đã tuyên kể từ khi Liên Hiệp Quốc còn là Hội Quốc Liên cho đến nay.

2. Điều kiện giới thiệu về Ủy Ban Pháp Chế Quốc Tế và ‘Những nguyên tắc áp dụng cho các tuyên bố đơn phương...’

(1). Ủy Ban Pháp Chế Quốc Tế (the International Law Commission).

Ủy Ban Pháp Chế Quốc Tế là một cơ chế được Đại hội Đồng Liên Hiệp Quốc thành lập vào năm 1948.

Thành viên của Ủy Ban gồm 34 vị do Đại Hội Đồng LHQ bổ nhiệm. Họ đều là những người vừa có học vị cao, có kiến thức sâu rộng về học lý cũng như giàu kinh nghiệm về thực hành liên quan đến lãnh vực Quốc tế Công pháp.

(2). Những nguyên tắc hướng dẫn áp dụng cho những tuyên bố đơn phương của các quốc gia có thể

tao ra những nghĩa vụ pháp lý. (Guiding Principles applicable to unilateral declarations of States capable of creating legal obligations)

Bản văn ‘*Những nguyên tắc hướng dẫn...*’ được Ủy Ban Pháp Chế Quốc Tế Liên Hiệp Quốc soạn thảo gồm 10 điều, được đệ trình Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc xét duyệt và chấp thuận trước khi được đem phổ biến. (Xin xem toàn văn bản ‘*Những nguyên tắc ...*’ ở cuối bài).

Sau đây là phần phân tích bản ‘*nguyên tắc hướng dẫn*’ của chúng tôi.

Định Nghĩa: ‘Tuyên bố đơn phương được định nghĩa ngắn gọn như sau:

“*Những tuyên bố được phát biểu công khai để bày tỏ ý muốn tôn trong những gì đã phát biểu, có thể tạo ra những nghĩa vụ pháp lý. Khi các điều kiện như vậy đã hội đủ, tính cách bó buộc của những tuyên bố được dựa vào sự thành tín; những quốc gia liên hệ có thể xem xét và căn cứ vào những tuyên bố ấy để đòi hỏi các nghĩa vụ phải được tôn trọng*” (điều 1)

(Declarations publicly made and manifesting the will to be bound may have the effect of creating legal obligations. **When the conditions for this are made**, the binding character of such declarations is based on good faith; States concerned may then take them into consideration and rely on them; such States are entitled to require that such obligations be respected)

Về hình thức:

“*Trên địa hạt quốc tế, tuyên bố đơn phương chỉ ràng buộc quốc gia nếu nó được các thẩm quyền sau đây thay mặt quốc gia để phát biểu: Quốc Trưởng, Thủ Tướng, Bộ Trưởng Ngoại Giao. Những vị khác*

đại diện cho chính phủ trong địa hạt nhất định cũng có quyền đưa ra lời tuyên bố (điều 4)

(A unilateral declaration binds the State internationally only if it is made by an authority vested to do so

. By virtue of their functions, heads of State, heads of Government or ministers for foreign affairs are competent to formulate such declarations. Other persons representing the State in specified areas may be authorized to bind it, through their declarations, in areas falling within their competence);

“*Tuyên bố đơn phương có thể được biểu thị bằng lời nói hay bằng chữ viết; (điều 5)*

(Unilateral declarations may be formulated orally or by writing)

Về nội dung:

. Để xác định hệ quả pháp lý của tuyên bố, cần lưu ý tới nội dung của tuyên bố (điều 3/1)
(To determine the legal effect of such declarations, it is necessary **to take account of their content**)

. Cần lưu ý đến tất cả sự kiện hiển nhiên dẫn tới tuyên bố, đến những phản ứng do tuyên bố gây ra (điều 3/2)
(all the factual circumstances in which they were made, and of reactions to which they gave rise)

thể
. Tuyên bố đơn phương chỉ tạo nghĩa vụ cho quốc gia phát biểu, nếu nội dung của nó rõ ràng và cụ thể (điều 7/1)
(A unilateral declaration entails obligations for the formulating State only if it is stated in clear and specific terms).

. Trường hợp có sự nghi ngờ về phạm vi nghĩa vụ do hệ quả của tuyên bố gây nên thì những nghĩa vụ này phải được giải thích chặt chẽ. (điều 7/2)
(In the case of doubt as to the scope of the obligations resulting from such a declaration, such obligations must be interpreted in a strictive manner)

the
. Khi giải thích nội dung của nghĩa vụ, **cần ưu tiên cân nhắc nội dung của bản văn tuyên bố**, mạch văn cùng bối cảnh của trường hợp đã đưa đến tuyên bố. (điều 7/3)
(In interpreting the content of such obligations, weight shall be given first and foremost to the text of the declaration, together with the context and the circumstances in which it has formulated)

buộc
. Một tuyên bố đơn phương mâu thuẫn với quy chuẩn pháp lý quốc tế có tính cách tổng quát và bó buộc thì **vô hiệu** (điều 8).
(A unilateral declaration which is in conflict with a peremptory norm of general international law is **void**)

Chú thích: Peremptory norm, tiếng La Tinh là **Jus cogens** có nghĩa là Luật cưỡng hành (coercive law). Jus cogens là một nguyên tắc căn bản trong công pháp quốc tế, có hiệu lực ràng buộc mọi quốc gia, không miễn trừ cho một biệt lệ nào. Một nguyên tắc chỉ được xem là *jus cogens* nếu nó được cộng đồng quốc tế công nhận. Mọi hiệp ước được thành lập trái với *jus cogens* đều vô hiệu.

(Jus cogens is a rule of principle in international law that is so fundamental that it binds all states and does not allow any exceptions. Such rules will only amount to *jus cogens* if they are recognized as such by the international community. A treaty that conflicts with an existing *jus cogens* rule is void)

quốc
nghĩa
. Tuyên bố đơn phương của một quốc gia không tạo ra nghĩa vụ cho quốc gia khác. Tuy nhiên, nếu quốc gia nào minh bạch chấp nhận tuyên bố đơn phương thì quốc gia này có thể phải gánh chịu những vụ đã tuyên. (điều 9)

(No obligation may result for other States from the unilateral declaration of a State. However, the other State or State concerned may incur obligations in relation to such a unilateral declaration to the extent that they clearly accepted such a declaration)

3. Nguyên tắc hướng dẫn của Ủy Ban Pháp Chế Quốc Tế sẽ được sử dụng để khảo sát hiệu lực pháp lý bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của nước CHNDTH (tự nhận mình có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa) cùng Công hàm Phạm văn Đồng để xem có hiệu lực pháp lý hay không khi công hàm chỉ viết rõ ràng là ‘ghi nhận và tán thành lời tuyên bố lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc?’

. Trong Mục I của bài này chúng tôi đã trưng dẫn bằng chứng theo Quốc tế Công Pháp cũng như theo án lệ của Trọng tài và Tòa án quốc tế, Việt Nam Cộng Hòa có chủ quyền lịch sử tuyệt đối trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho đến ngày 30/04/1975 là ngày nước Việt Nam thống nhất. Sau ngày này, chủ quyền về Hoàng Sa và Trường Sa mới được chuyển qua nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và nay là Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

. Trong Mục II chúng tôi cũng đã trình bày những sự kiện (point of facts) khiến bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của nước CHNDTH bất hợp pháp vì vào ngày này và cho tới 30/4/75 là thời điểm của nước Việt Nam thống nhất, HS & TS vẫn thuộc quyền quản lý của VNCH. Như vậy, trước ngày 30/04/1975, Trung Quốc không thể viện dẫn cái công hàm vô giá trị của ông Phạm văn Đồng trong đó '**ghi nhận và tán thành lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc**', để nhận xằng là VNDCCH đã nhìn nhận chủ quyền của TQ trên Trường Sa, bởi lẽ vào lúc ký công hàm VNDCCH chỉ là một quốc gia đệ tam, không có tư cách pháp lý để quyết định về việc tranh chấp biên đảo giữa TQ và VNCH.

. Chúng tôi cũng đã trình bày quan điểm của một số quý vị lãnh đạo các quốc gia Tây Phương và hàng trăm diễn giả gồm các luật gia, học giả nổi tiếng trên thế giới đã tham dự hàng chục diễn đàn được tổ chức tại Âu châu, Hoa kỳ, A châu để bàn về việc lưu thông trên biển Đông trong đó có bàn đến chủ quyền của Việt Nam và Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Tất cả đều đồng ý rằng đem so sánh bằng chứng xuất trình giữa đôi bên thì bằng chứng của VN được xem là rõ ràng và đầy đủ hơn cả, đó là việc Việt Nam đã thực sự chiếm hữu và hành xử chủ quyền hòa bình và liên tục trên 4 thế kỷ đối với hai quần đảo này.

. Trong Mục III, vấn đề cốt hết cần phải làm sáng tỏ, đó là "Công hàm Phạm văn Đồng ngày 14/09/1958 có thực sự nhìn nhận và có hiệu lực nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa hay không?" Trung Quốc đang có kế hoạch gì để tìm cách chiếm nốt Trường Sa ? Đây là điều mà Bộ Ngoại Giao Trung Quốc đang toan tính thực hiện qua việc công bố danh sách những 'thành viên của Cộng Đồng quốc tế' mà họ cho rằng '**đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Trường Sa**', đồng thời họ còn quý quyết xử dụng tới cái gọi là **Thông Hành lưỡng bờ** để toan độc chiếm biển Đông. Hành động này của Trung Quốc hầu như đang được cả thế giới chú ý đến và nhiều nước đã lên tiếng phản đối kể cả Hoa kỳ.

4. Theo Bộ Ngoại Giao Trung Quốc, những thành viên trên thế giới sau đây đã công nhận Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc (International Recognition of China's sovereignty over the Nansha Islands)

Sau khi đã nuốt trọn Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1974 và một số đảo trên quần đảo Trường Sa năm 1988, Trung Quốc tiếp tục tìm cách chiếm nốt những hòn đảo còn lại của Trường Sa.

Bộ Ngoại Giao của nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa liền cho công bố cái gọi là 'Những nguồn tin tức quốc tế đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo Trường Sa'. Trên thực tế, những nguồn tin tức quốc tế này chỉ là bài tường thuật trên tờ nhật báo Nhân Dân của Hà-Nội, trong đó nhắc lại nguyên văn bức công hàm của ông Phạm văn Đồng mà không có thêm lời bình luận nào khác, nhưng bản tin lại được Bộ Ngoại Giao Trung Quốc thổi phồng lên là *bài tường thuật rất chi tiết*. Kế đó là bài báo của ký giả Frank Ching, một người Hoa mang quốc tịch Singapore tường thuật về công hàm của ông Phạm văn Đồng trên Tạp Chí Kinh Tế Viễn Đông cũng được Bộ ngoại Giao Trung Quốc vin vào đó để diễn giải rằng ông Phạm văn Đồng *đã thành khẩn tuyên bố Việt Nam nhìn nhận và ủng hộ bản tuyên bố của nhà nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa về vấn đề lãnh hải*. Sau hết Bộ Ngoại Giao Trung Quốc còn nói tới cuộc gặp gỡ giữa Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Ung Văn Khiêm và Xử Lý Thường Vụ toà Đại Sứ Trung Quốc tại Việt Nam Li Zhimin (không rõ trong dịp nào, ở đâu ?). Trong cuộc gặp gỡ này, ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao VN đã nói với viên Xử Lý Thường Vụ toà Đại Sứ Trung Quốc tại VN rằng "*theo những dữ kiện của VN, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ của Trung Quốc*". Sau đây là bản tin được Bộ Ngoại Giao Trung Quốc công bố nhằm chứng minh rằng 'Quốc Tế' đã nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo Trường Sa !.

International Recognition Of China's Sovereignty over the Nansha Islands

a) Vice Foreign Minister Dong Van Khiem of the Democratic Republic of Viet Nam received Mr. Li Zhimin, charge d'affaires ad interim of the Chinese Embassy in Viet Nam and told him that "according to Vietnamese data, the Xisha and Nansha Islands are historically part of Chinese territory." Mr. Le Doc,

Acting Director of the Asian Department of the Vietnamese Foreign Ministry, who was present then, added that “judging from history, these islands were already part of China at the time of the Song Dynasty.”

b) Nhan Dan of Viet Nam reported in great detail on September 6, 1958 the Chinese Government’s Declaration of September 4, 1958 that the breadth of the territorial sea of the People’s Republic of China should be 12 nautical miles and that this provision should apply to all territories of the People’s Republic of China, including all islands on the South China Sea. On September 14 the same year, Premier Pham Van Dong of the Vietnamese Government solemnly stated in his note to Premier Zhou Enlai that Viet Nam “recognizes and supports the Declaration of the Government of the People’s Republic of China on China’s territorial sea.”

c) It is stated in the lesson The People’s Republic of China of a standard Vietnamese school textbook on geography published in 1974 that the islands from the Nansha and Xisha Islands to Hainan Island and Taiwan constitute a great wall for the defense of the mainland of China

o O o

Sự công nhận của thế giới về chủ quyền của Trung Quốc trên Quần đảo Trường Sa

a) Thứ trưởng ngoại giao Đồng văn Khiêm của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa khi tiếp ông Li Zhimin, xử lý thường vụ Toà Đại Sứ Trung quốc tại Việt Nam đã nói rằng “*theo những dữ kiện của Việt nam, hai quần đảo Hoàng sa và Trường sa là một bộ phận lịch sử của lãnh thổ Trung quốc*”. Ông Le Doc, quyền Vụ trưởng Á châu Sự vụ thuộc Bộ Ngoại giao Việt nam, cũng có mặt lúc đó, đã nói thêm rằng “*xét về mặt lịch sử thì các quần đảo này đã hoàn toàn thuộc về Trung quốc từ thời nhà Tống*”

b) Báo Nhân Dân của Việt Nam đã tường thuật rất chi tiết (?) trong số xuất bản ngày 6/9/1958 về Bản Tuyên Bố ngày 4/9/1958 của Nhà nước Trung quốc, rằng kích thước lãnh hải của nước Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa là 12 hải lý và điều này được áp dụng cho tất cả các lãnh thổ của phía Trung quốc, bao gồm tất cả các quần đảo trên biên Nam Trung Hoa. Ngày 14/9 cùng năm đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng của phía nhà nước Việt Nam, trong bản công hàm gửi cho Thủ tướng Chu An Lai, đã thành khẩn tuyên bố rằng Việt Nam “*nhìn nhận và ủng hộ Bản Tuyên Bố của Nhà nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa trong vấn đề lãnh hải*”

c) Bài học về nước CHND Trung Hoa trong giáo trình cơ bản của môn địa lý của Việt Nam xuất bản năm 1974, đã ghi nhận rằng các quần đảo từ Trường Sa và Hoàng Sa đến đảo Hải Nam và Đài Loan hình thành một bức tường phòng thủ vĩ đại cho lục địa Trung Hoa .

Trích và lược dịch từ trang nhà của Bộ Ngoại Giao Trung Quốc

5. Nhận xét về bản tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Trung Quốc liên quan đến sự ‘công nhận của thế giới’ về chủ quyền của Trung Quốc đối với Trường Sa.

Bộ Ngoại Giao Trung Quốc, đánh giá bản tin đăng tải bức công hàm của ông Phạm văn Đồng trên tờ Nhật báo Nhân Dân ở Hà nội, (dài không quá ¼ cột của trang báo và bài viết về đề tài này của ký giả Frank Ching trên tờ Tạp chí Kinh tế Viễn Đông) như là sự công nhận Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc, khiến mọi người ngạc nhiên. Đây quả là một sự khẳng định can đảm của Bộ Ngoại Giao Trung Quốc mà có lẽ chưa từng xảy ra ở một nước nào khác trên thế giới, khiến mọi người không khỏi ngỡ ngàng !!! Một tờ nhật báo, cho dầu là tờ báo của nhà nước Cộng Sản như tờ nhật báo Nhân Dân đâu phải là cơ quan đại diện của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa để có khả năng công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo Trường Sa. Khi đăng tin này, tờ báo chỉ nhằm mục đích thông tin cho độc giả được rõ những biến chuyển xảy ra trong ngày cũng giống như những tin tức khác như xe cán chó, kẻ cắp móc túi người đi đường mà thôi. Tin tức như vậy mà được Bộ Ngoại Giao của Trung Quốc xếp vào loại ‘quốc tế’ nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên đảo Trường Sa thì quả là một sự kiện hết sức khôi hài!

Về cuộc nói chuyện giữa ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao nước VNDCCH và ông Xử Lý Thường Vụ tòa Đại Sứ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc cũng khiến mọi người ngạc nhiên không kém. Một cuộc mạn

đàm giữa hai người như vậy, vừa không có tính cách công khai như đòi hỏi tại điều 1 của bản nguyên tắc hướng dẫn để được xem là có giá trị như một lời tuyên bố đơn phương. Mặt khác, ông Ung văn Khiêm cũng không phải là nhân vật có thẩm quyền theo điều 4 của bản nguyên tắc hướng dẫn để có khả năng đưa ra lời tuyên bố về chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa ! Ngoài ra tuyên bố của ông Thứ trưởng Ngoại Giao nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà còn vi phạm vào nguyên tắc *hệ cấp pháp lý* (ordonnancement juridique) trong luật hành chính, theo đó, nếu một giới chức cấp dưới trong chính quyền phát biểu ý kiến về một chính sách hay hành vi của chính phủ trái ngược với ý kiến của cấp trên trong chính quyền đó thì ý kiến của giới chức cấp dưới đương nhiên vô giá trị. Trong công hàm của ông Phạm văn Đồng không có chỗ nào nói rằng ‘*theo những dữ kiện của Việt Nam, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc*’ như ông Thứ Trưởng Ngoại Giao của Hà Nội đã nói với ông Xứ Lý Thường Vụ của tòa Đại Sứ Trung Quốc. Như vậy, lời phát biểu của ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao của nước VNDCCH vô giá trị. Chính bản thân ông Phạm văn Đồng, khi còn sống, cũng đã cực lực phản đối sự giải thích bừa bãi của phía Trung Quốc về ý nghĩa đích thực của những điều mà ông ta đã viết ra trong công hàm. Tóm lại, bản tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Trung Quốc nói rằng Trường Sa được quốc tế công nhận thuộc chủ quyền của Trung Quốc hoàn toàn vô giá trị. Khi có tranh chấp xảy ra giữa đôi bên, dù là giữa tư nhân với nhau hay giữa quốc gia với nhau, nếu không đạt được sự đồng thuận, thì việc đúng đắn và cần thiết để giải quyết vấn đề mâu thuẫn giữa đôi bên chỉ có thể được thực hiện qua phán quyết của Tòa án mà thôi.

6. Bản tuyên bố của Trung Quốc ngày 04/09/1958 về chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa vô hiệu, vi phạm vào điều 1, đ.4 và đ.8 của bản ‘Nguyên tắc hướng dẫn’.

(1).O trên, chúng tôi đã khẳng định rằng bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của chính quyền nước CHNDTQ bất hợp pháp riêng về phần Hoàng Sa và Trường Sa vì Trung Quốc tự nhận mình có chủ quyền trên hai quần đảo nhưng lại không chứng minh được chủ quyền của mình trước khi đưa ra tuyên bố, do đó bản tuyên bố không hội đủ điều kiện dự liệu tại điều 1 nên vô hiệu .

Mặt khác, trong khi Trung Quốc đưa ra tuyên bố này thì hai quần đảo vẫn đang do Việt Nam Cộng Hoà quản lý. Vì thế, dù Trung Quốc phải viện dẫn công hàm vô giá trị của ông Phạm văn Đồng để lập luận rằng công hàm này đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường Sa nhưng lập luận này cũng vẫn vô giá trị bởi lẽ :

. VNDCCH chỉ là một quốc gia đệ tam đối với cuộc tranh chấp nên tuyên bố của VNDCCH không có hiệu lực pháp lý.

. Mặt khác, nội dung công hàm không hề nói đến từ ngữ chủ quyền cũng như Hoàng Sa và Trường Sa.(điều 7/1)

(2). Vào ngày 04/09/1958, Trung Quốc đã ra tuyên bố khẳng định: “*Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc và có lãnh hải 12 hải lý*” Tuy nhiên, chỉ cần chú ý một chút, ta nhận ra ngay tuyên bố của Trung Quốc đã tạo ra một biệt lệ chưa từng có từ trước đến nay! Đó là việc Trung Quốc lấy lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa rồi tuyên bố lãnh thổ ấy là của mình đồng thời kèm theo những điều kiện do Trung Quốc tự đặt ra cho lãnh thổ ấy để buộc quốc gia khác tuân theo !!! Điều đáng buồn là việc làm bất chính này của Trung Quốc không bị đồng bào lật tẩy mà đôi khi còn có người phụ họa nữa!

Theo điều 1 của ‘Nguyên tắc hướng dẫn’, quốc gia tuyên bố chỉ có quyền đòi hỏi các quốc gia khác phải tôn trọng nghĩa vụ đã cam kết *nếu bản tuyên bố của mình đã thoả mãn được các điều kiện dự liệu trong bản nguyên tắc hướng dẫn*. Chỉ cần thiếu một điều kiện là tuyên bố có thể được tòa xem như vô giá trị. Trong tuyên bố ngày 04/09/1958, Trung Quốc tự nhận rằng mình có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa nhưng lại không đưa ra được bằng chứng để hậu thuẫn cho lập luận của mình. Như vậy, tuyên bố của Trung Quốc mâu thuẫn với quy phạm pháp lý quốc tế (peremptory norm of general international law) qui định tại điều 8 của bản nguyên tắc hướng dẫn nên **vô hiệu**. Tuyên bố của Trung Quốc vì thế *không thể đem đối kháng với công hàm của ông Phạm văn Đồng được vì 2 lý do sau:*

. nội dung công hàm Phạm văn Đồng không có chỗ nào biểu thị ý muốn công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường Sa chiếu điều 3/1 của bản ‘Nguyên tắc hướng dẫn’. Trung quốc đã tự cho mình cái chủ quyền này trong bản tuyên bố ngày 04/09/1958.

. trong vai trò của một quốc gia đệ tam đối với tranh chấp chủ quyền biển đảo giữa Việt Nam Cộng Hòa và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không có tư cách pháp lý để công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa lúc đó đang do Việt Nam Cộng Hòa quản lý.

7. Công hàm Phạm văn Đồng không có hiệu lực pháp lý; vào ngày công hàm được tuyên bố, VNDCCH không quản lý hai quần đảo này.

(1) Nội dung bức công hàm của ông Phạm văn Đ

Sau đây là nội dung bức công hàm:

“ Chính Phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa *ghi nhận và tán thành* bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của Chính Phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa *quyết định về hải phận Trung Quốc*.

Chính Phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa tôn trọng quyết định ấy và *chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa trên mặt bể.*”

Ta lần lượt xét bức công hàm dưới 2 khía cạnh sau đây:

- . công hàm Phạm văn Đồng có tư cách pháp lý công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa không?
- . công hàm Phạm văn Đồng có minh bạch công nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Trung Quốc không?

a). Công hàm Phạm văn Đồng *nếu mang nội dung công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa thì sẽ vô hiệu* theo đ.1 của bản ‘nguyên tắc’ vì VNDCCH lấy đầu ra Hoàng Sa và Trường Sa để trao cho Trung Quốc, bởi lẽ vào lúc bấy giờ, hai quần đảo này thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa!!! Theo định nghĩa của điều 1 bản ‘nguyên tắc hướng dẫn’, *nếu tuyên bố* của ông Phạm văn Đồng, Thủ Tướng của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa:

- . rõ ràng và cụ thể công nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc (đ7/1);
- . *thỏa mãn các điều kiện đòi hỏi khác của bản ‘nguyên tắc hướng dẫn’ (đ.1)* thì Trung Quốc có quyền đòi nước VNDCCH phải thi hành nghĩa vụ đã hứa, trao chủ quyền hai quần đảo cho Trung Quốc.

Thế nhưng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào thời điểm đó không do Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa quản lý mà do nước Việt Nam Cộng Hòa quản lý theo quyết định của Hội Nghị Genève thì làm sao nước VNDCCH có thể thi hành nghĩa vụ của họ được? Điều nghịch lý này cho thấy nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, vì chỉ là một quốc gia đệ III trong vụ tranh chấp, không quản lý đảo cho nên tuyên bố của VNDCCH không có hiệu lực pháp lý đối với hai quần đảo.

Mặt khác, *mười ngày trước Trung Quốc đã tuyên bố có chủ quyền trên hai quần đảo này rồi*, đâu cần viện dẫn đến công hàm vô giá trị của ông Phạm văn Đồng để chứng minh chủ quyền được công hàm nhìn nhận, để rồi sau đó, dùng vũ lực xâm chiếm hai quần đảo? Nếu vậy chẳng hoá ra Trung Quốc đã dùng thủ đoạn khí trá hay man trá (manoeuvre dolosive) để lừa bịp công luận quốc tế hay sao?

Có ít ra là hai tục giao pháp lý và một án lệ của Tòa án quốc tế **không công nhận** lời tuyên bố như vậy là hợp pháp nếu như giới chức tuyên bố không có chủ quyền đối vật (real right) để thi hành nghĩa vụ cam kết.

- . **Nemo dare potest quod non habet** (No man can give that which he has not); và
- . **Nemo dat qui non habet** (he who hath not cannot give)

Hai tục giao pháp lý nói trên đã được Tòa án quốc tế đưa vào phán quyết của vụ kiện US v. Netherland năm 1928. Tòa đã dẫn lý như sau: “ Spain could not legally grant what it did not hold and therefore Spain could not grant Palmas to the United States.” (Tây Ban Nha không thể chuyển nhượng đảo Palmas cho Hoa Kỳ bởi lẽ Tây Ban Nha không làm chủ đảo này).

Trương tự, nếu nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa không có chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì làm sao thi hành được nghĩa vụ chuyển giao đảo cho Trung Quốc như đã cam kết trong công hàm được ?

b). Công hàm Phạm văn Đồng chỉ có hiệu lực pháp lý nếu nội dung công nhận lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc

Theo điều 7/1 của bản ‘nguyên tắc hướng dẫn’ một tuyên bố đơn phương chi tạo ra nghĩa vụ cho quốc gia tuyên bố, nếu được phát biểu rõ ràng và cụ thể. Trường hợp có sự hoài nghi về phạm vi của nghĩa vụ do hệ quả của lời tuyên bố gây ra thì nghĩa vụ phải được giải thích chặt chẽ (đ.7/2). Ưu tiên *cân nhắc nội dung của tuyên bố* để giải thích nghĩa vụ (đ.7/3)

Nội dung công hàm Phạm văn Đồng không hề nói đến hay ám chỉ đến chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa mà chỉ minh bạch phát biểu 2 điểm sau đây:

- . ghi nhận và tán thành lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc;
- . chỉ thị các cơ quan chính Phủ tôn trọng lãnh hải 12 hải lý mỗi khi có quan hệ với Trung Quốc trên mặt biển.

Rõ ràng là công hàm Phạm văn Đồng không hề đề cập tới sự công nhận chủ quyền của Trung Quốc về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nên không thể giải thích bừa bãi là bản công hàm đã nhìn nhận chủ quyền của TQ đối với hai quần đảo này được.

Nên nhớ, công hàm nói đến cụm từ *ghi nhận và tán thành lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc*. Như vậy không thể diễn giải cụm từ này thành *công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa* được.

IV . KET LUAN

1. Về chủ quyền lịch sử đối với Hoàng Sa và Trường Sa

Với những điều trình bày trong bài viết trên, hẳn độc giả đã nhận thấy rằng bằng chứng về chủ quyền lịch sử của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều là những sự thật hiển nhiên mà Trung Quốc không thể phủ nhận. Chủ quyền lịch sử của Việt Nam đã được hành sử một cách hòa bình và liên tục qua nhiều thế kỷ, đây là một điều kiện thiết yếu để Tòa án quốc tế có thể đưa ra một phán quyết tương tự như vụ Island of Palmas giữa Hoa Kỳ và Hoà Lan năm 1928: “ Quyền khám phá của Trung Quốc, nếu có, chỉ là quyền phôi thai không thể so sánh với quyền chiếm hữu và hành xử chủ quyền một cách hòa bình và liên tục qua nhiều thế kỷ như trường hợp của Việt Nam.

2. Về bản tuyên bố ngày 04/09/1958 của Trung Quốc tự nhận có chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa

Bản tuyên bố bất hợp pháp, vi phạm điều 1 nguyên tắc hướng dẫn, vì vào lúc tuyên bố Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc thì hai quần đảo này vẫn thuộc quyền sở hữu của Việt Nam Cộng Hòa cho tới 30/04/1975.

Tuyên bố còn vi phạm vào điều 8 của bản ‘nguyên tắc hướng dẫn’ vì Trung Quốc đã dùng vũ lực tấn công bất hợp pháp để chiếm Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1974 gây tử vong cho một số quân nhân Việt Nam bảo vệ đảo. (Điều 8: A unilateral declaration which is in conflict with *peremptory norm of general international law* is void. *Peremptory norm* còn được gọi là *jus cogens*: the laws prohibiting slavery, genocide, piracy... ,acts of aggression or use illegal force.)

3. Về bức công hàm của ông Phạm văn Đồng ngày 14/09/1958 ghi nhận và tán thành lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc.

Bức công hàm của ông Phạm văn Đồng không phải là một tuyên bố đơn phương liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa mà chỉ là tuyên bố đơn phương liên quan đến lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc.

Trung Quốc không thể đòi hỏi nước VNDCCH phải thi hành nghĩa vụ đã cam kết tôn trọng 12 hải lý bằng nghĩa vụ nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Hoàng Sa và Trường Sa được.

Tóm tắt, tuyên bố ngày 04/09/1958 của nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa (Trung Quốc) tự nhận có chủ quyền trên hai quần đảo HS & TS hoàn toàn vô giá trị vì không trung dẫn được bằng chứng để hỗ trợ cho lập luận của mình chiếu điều 1 của bản ‘nguyên tắc hướng dẫn’, đồng thời còn vi phạm vào điều 8 của bản ‘nguyên tắc hướng dẫn’ vì đã lấy Hoàng Sa và Trường Sa của nước Việt Nam Cộng Hòa làm chủ quyền của mình rồi công bố trước Cộng Đồng thế giới là Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Vì tuyên bố của Trung Quốc bị xem như vô hiệu nên không thể dung nó để đối kháng với công hàm của ông Phạm văn Đồng cũng như của bất cứ quốc gia nào trên thế giới được.

GUIDING PRINCIPLES APPLICABLE TO UNILATERAL DECLARATIONS OF STATES CAPABLE OF CREATING LEGAL OBLIGATIONS

The International Law Commission,

Noting that States may find themselves bound by their unilateral behaviour on the international plane,

Noting that behaviour capable of legally binding States may take the forms of formal declarations or mere formal conduct including, in certain situations, silence, on which other States may reasonably rely,

Noting also that the question whether a unilateral behaviour by the State binds it in a given situation depends on the circumstances of the case,

Noting also that in practice, it is often difficult to establish whether the legal effects stemming from the unilateral behaviour of a State are the consequence of the intent that it has expressed or depend on the expectations that its conduct has raised among other subjects of international law,

Adopts the following Guiding Principles which relate only to unilateral acts *stricto sensu*, i.e. those taking the form of formal declarations formulated by a State with the intent to produce obligations under international law,

1. Declarations publicly made and manifesting the will to be bound may have the effect of creating obligations. When the conditions for this are met, the binding character of such declarations is based on good faith; States concerned may then take them into consideration and rely on them; such States are entitled to require that such obligations be respected;
2. Any State possesses capacity to undertake legal obligations through unilateral declarations;
3. To determine the legal effects of such declarations, it is necessary to take account of their content, of all the factual circumstances in which they were made, and of the reactions to which they gave rise;
4. A unilateral declaration binds the State internationally only if it is made by an authority vested with the power to do so. By virtue of their functions, heads of State, heads of Government and ministers for foreign affairs are competent to formulate such declarations. Other persons representing the State in specified areas may be authorized to bind it, through their declarations, in areas falling within their competence;
5. Unilateral declarations may be formulated orally or in writing;
6. Unilateral declarations may be addressed to the international community as a whole to one or several States or to other entities;
7. A unilateral declaration entails obligations for the formulating State only if it is stated in clear and specific terms. In the case of doubt as to the scope of the obligations resulting from such a declaration, such obligations must be interpreted in a restrictive manner. In interpreting the content of such obligations, weight shall be given first and foremost to the text of the declaration, together with the context and the circumstances in which it was formulated;
8. A unilateral declaration which is in conflict with a peremptory norm of general international law is void;
9. No obligation may result for other States from the unilateral declaration of a State. However, the other State or States concerned may incur obligations in relation to such a unilateral declaration to the extent that they clearly accepted such a declaration;
10. A unilateral declaration that has created legal obligations for the State making the declaration cannot be revoked arbitrarily, consideration should be given to:
 - (i) any specific terms of the declaration relating to revocation;
 - (ii) the extent to which those to whom the obligations are owed have relied on such obligations;
 - (iii) the extent to which there has been a fundamental change in the circumstances.

